

Số: 749/GPMT-UBND

Long Khánh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số: 1.VB-102024 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH Bao bì Fuxinglong về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy Công ty TNHH Bao bì Fuxinglong, công suất 11.300 tấn sản phẩm/năm (trong khuôn viên Công ty TNHH Đầu tư Cùng Phát), địa chỉ: Đường số 5, KCN Long Khánh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1049/TTr-TNMT ngày 17 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Bao bì Fuxinglong (trong khuôn viên Công ty TNHH Đầu tư Cùng Phát), địa chỉ: Đường số 5, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy Công ty TNHH Bao bì Fuxinglong, công suất 11.300 tấn sản phẩm/năm, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Nhà máy Công ty TNHH Bao bì Fuxinglong, công suất 11.300 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 5, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn

một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3603633512 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 3 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 07 tháng 12 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3603633512.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công bao bì bằng giấy, thùng carton.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Tổng diện tích nhà xưởng của dự án là 2.722 m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 11.300 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bao bì Fuxinglong được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Bao bì Fuxinglong có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự

cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng 12 năm 2024 đến ngày tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Bao bì Fuxinglong;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai;
- Công ty Cổ phần KCN Long Khánh;
- Bộ phận TN&TKQ thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao
(đề nghị đăng trên Trang TTĐT thành phố);
- UBND xã Bình Lộc;
- Chánh, Phó VP;
- Lưu: VT, TH (NN);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Đại Giang

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Khánh, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống thu gom nước thải:

- Các nguồn nước thải phát sinh chủ yếu tại Công ty cụ thể như sau:

Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh, nhà ăn sẽ được thu gom dẫn về bể tự hoại 03 ngăn (tổng thể tích 11,5 m³). Nước thải sau bể tự hoại được dẫn bằng đường ống PVC Ø168 đầu nối vào hố ga thoát nước thải trên đường số 5, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp.

Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa máy in khi thay đổi mẫu in và nước thải rửa máy in sau mỗi ca làm việc. Lượng nước này được sử dụng tuần hoàn, sau khoảng vài ngày tuần hoàn sử dụng, khi không còn tuần hoàn sử dụng được nữa sẽ thu gom về các thùng chứa và được chuyển giao theo chất thải nguy hại.

- Tổng khối lượng nước thải phát sinh khoảng 7,4 m³/ngày.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại, bể lắng, bể tách dầu mỡ → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Khánh để xử lý.

- Công suất thiết kế: Bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 11,5 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, bơm hút định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản d Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đấu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Long Khánh, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Khánh để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng 12 năm 2024
của UBND thành phố Long Khánh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (hoạt động sản xuất của dự án không phát sinh khí thải tại nguồn).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

- Có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất đảm bảo quy chuẩn môi trường quy định.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải chưa qua xử lý ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng 12 năm 2024
của UBND thành phố Long Khánh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (hoạt động sản xuất của dự án không phát sinh khí thải tại nguồn).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

| STT | Loại chất thải phát sinh | Mã CTNH | Khối lượng (kg/năm) | Phân loại (*) |
|-----|-----------------------------------|----------|---------------------|---------------|
| 1 | Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại | 18 02 01 | 50 | NH |
| 2 | Thiết bị điện (bóng đèn led) | 16 01 13 | 10 | NH |
| 3 | Hộp mực in thải | 08 02 04 | 10 | NH |
| 4 | Bào bì cứng thải bằng kim loại | 18 01 02 | 100 | KS |
| 5 | Mực in thải | 08 02 01 | 59.821 | NH |
| 6 | Bao bì cứng thải bằng nhựa | 18 01 03 | 300 | KS |
| 7 | Pin thải | 19 06 01 | 4 | NH |
| | Tổng khối lượng | | 60.295 | |

(*) Phân loại: KS (Chất thải công nghiệp phải kiểm soát); NH (Chất thải nguy hại).

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

| STT | Loại chất thải phát sinh | Mã chất thải | Khối lượng (kg/năm) | Phân loại |
|-----|------------------------------------|--------------|---------------------|-----------|
| 1 | Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ | 18 01 05 | 330 | TT-R |
| | Tổng khối lượng | | 330 | |

(*) Phân loại: TT (Chất thải công nghiệp thông thường); TT-R (Chất thải công nghiệp thông thường – Rắn).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

| STT | Tên chất thải | Khối lượng (kg/năm) |
|-----|-------------------------|---------------------|
| 1 | Chất thải rắn sinh hoạt | 6.761 |
| | Tổng khối lượng | 6.761 |

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy hoặc bố trí khu vực lưu chứa có khay chống tràn bên dưới đối với chất thải nguy hại dạng lỏng.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông chống thấm, mái, có biển báo và dán nhãn, có vật liệu hấp thụ trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông chống thấm, mái che.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng nhựa 240L có nắp đậy được bố trí xung quanh khu vực nhà xưởng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, đổ tràn chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.